

Số: 2550 /GPMT-UBND

Kiên Giang, ngày 16 tháng 10 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị số 0816/CAT-HC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Công an tỉnh Kiên Giang về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Cơ sở làm việc Công an thành phố Hà Tiên thuộc Công an tỉnh Kiên Giang” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 670/TTr-STNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công an tỉnh Kiên Giang, địa chỉ tại số 8 đường Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Cơ sở làm việc Công an thành phố Hà Tiên thuộc Công an tỉnh Kiên Giang” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: Cơ sở làm việc Công an thành phố Hà Tiên thuộc Công an tỉnh Kiên Giang.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu phố 3, phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Quyết định số 277/QĐ-H02-P5 ngày 21/7/2023 của Cục Quản lý Xây dựng và Doanh trại về việc phê duyệt Tổng mặt bằng xây dựng Cơ sở làm việc Công an thành phố Hà



Tiên thuộc Công an tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 2648/QĐ-BCA-H01 ngày 05/5/2023 của Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cơ sở làm việc Công an thành phố Hà Tiên thuộc Công an tỉnh Kiên Giang.

1.4. Mã số thuế: 1700285698.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở làm việc.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi dự án: Dự án được thực hiện tại khu phố 3, phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Ranh giới dự án được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp: Đường số 7.

+ Phía Nam giáp: Đường Mạc Thiên Tích (nối dài).

+ Phía Đông giáp: Đường Mạc Thiên Tích (nối dài).

+ Phía Tây giáp: Đường số 6.

- Quy mô: Dự án phục vụ đảm bảo làm việc, ăn, ở, ứng trực,... của 116 cán bộ chiến sỹ thuộc Công an thành phố Hà Tiên và công dân đến liên hệ làm việc với số lượng tối đa là 240 người/ngày.

- Diện tích: Dự án có tổng diện tích 25.410 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công an tỉnh Kiên Giang

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công an tỉnh Kiên Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.



2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 16.. tháng 10 năm 2023 đến ngày 16.. tháng 10 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. *T. Thy*

Nơi nhận:

- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công an tỉnh;
- Công thông tin điện tử UBND tỉnh;
- UBND thành phố Hà Tiên;
- LĐVP; P.KT, TT.PVHCC;
- Lưu: VT, ptduy (10 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Nguyễn Thanh Nhân



Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2550/GPMT-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ chiến sỹ công an và người dân đến liên hệ công việc.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý thoát cống thoát nước chung của khu vực tại đường Mạc Thiên Tích (nối dài) tiếp giáp dự án rồi thoát ra sông Giang Thành.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Cống thoát nước chung của khu vực tại đường Mạc Thiên Tích (nối dài) thuộc khu phố 3, phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:

TT	Ký hiệu	Vị trí xả nước thải	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104 ⁰ 30' múi chiều 3 ⁰)	
			X	Y
1	NT	Cống thoát nước chung của khu vực tại đường Mạc Thiên Tích (nối dài) tiếp giáp dự án	1148850	498710

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20 m³/ngày.đêm, trung bình 31,25 m³/giờ. 20 m³/ngày.đêm; 1,0 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, hệ số K =1. Cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ- CP ngày 10/1/2022
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	
3	TSS	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải phải được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước thải từ các nhà vệ sinh, bồn cầu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và nước thải từ khu vực bếp ăn được xử lý sơ bộ bằng thiết bị tách mỡ (bể tách mỡ). Sau đó được thu gom cùng với nước thải sinh hoạt từ chậu rửa mặt, sàn nhà vệ sinh và các công trình công cộng dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải sau xử lý được dẫn về bể chứa nước sau xử lý (bể dự phòng ứng phó sự cố) được xây ngầm, có thể tích 15m³. Sau đó nước thải được bơm về hồ ga đầu nối với hệ thống cống thoát nước chung của khu vực.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải từ các nguồn → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Cột lọc áp lực → Thiết bị khử trùng UV → Bể chứa nước sau xử lý → Hệ thống cống thoát nước chung của khu vực

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

TT	Hóa chất, vật liệu	Bổ sung vào khối bể	Định mức sử dụng
1	Lõi lọc áp lực	Cột lọc áp lực	Công suất 1,0m ³ /h
2	Bộ đèn UV	Thiết bị khử trùng UV	Công suất 1,0m ³ /h, 100-240V, 50-60Hz
3	Chế phẩm vi sinh	Bể sinh học	Sử dụng khi cần thiết

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

* Biện pháp phòng ngừa:

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị, sổ nhật ký vận hành để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

* Biện pháp xử lý:

- Tạm dừng các hệ thống xử lý chất thải để khắc phục sự cố.

- Thực hiện các hành động xử lý tạm thời, cần thiết để giảm thiểu ô nhiễm.

- Chủ dự án bố trí 01 bể chứa nước sau xử lý với thể tích là 20m³ dùng để chứa nước thải sau xử lý phục vụ cho công tác ứng phó sự cố. Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố cần thời gian để xử lý, chủ dự án sẽ sử dụng bể với chức năng là bể chứa nước thải dự phòng, chứa nước thải tạm thời tại bể chứa sau xử lý, khi sự cố được khắc phục, nước thải sẽ được bơm trở lại đầu vào hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Ngay khi hoàn thành xây dựng công trình và đưa dự án vào vận hành có phát sinh nước thải phải xử lý (dự kiến bắt đầu từ Quý I/2025 khi đưa dự án vào vận hành hoạt động). Thời gian kết thúc sau 3 ÷ 6 tháng kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm HTXLNT.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Hố ga quan trắc nước thải sau xử lý (X= 1148850, Y= 498710).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án.

- Đảm bảo nước thải sau khi xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường./.



Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 550 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 10
năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Các phương tiện giao thông ra vào dự án.
- Nguồn số 02: Khu vực bố trí hệ thống xử lý nước thải

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Trong khuôn viên dự án.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55		Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60		Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Các phương tiện ra vào dự án phải giảm tốc độ, tắt máy khi đã vào khuôn viên dự án và nghiêm cấm sử dụng còi hơi để tránh gây ồn.
- Các công trình thuộc dự án được xây dựng tường kiên cố có khả năng cách âm cao, có bố trí hệ thống cây xanh, khoảng cách hành lang cho công trình đảm bảo thông thoáng và góp phần giảm lan truyền ồn.
- Hệ thống xử lý nước thải của dự án được xây dựng âm, ngầm kín dưới đất,

lựa chọn thiết bị hiện đại, ít ồn, được ưu tiên đặt chìm hoặc bọc cách âm nếu để nổi và đặt trong nhà điều hành để giảm thiểu gây ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.



Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3550/GPMT-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án khoảng 36,5 kg/năm, bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; Các loại dầu mỡ thải; Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại; Chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại; Pin, ắc quy thải; Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử, ...

1.3 Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 235,2 kg/ngày kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo các quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 5m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho đặt trong Khối nhà đặt máy phát điện diện tích 20m² của dự án. Kho được xây dựng tường bao quanh, có cửa đóng kín, trong kho bố trí hệ thống chiếu sáng và quạt hút để tạo độ thông thoáng.

- Kho chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng rác có dung tích từ 15 – 120 lít được bố trí dọc sân đường dự án và các khu chức năng. Dự án bố trí 03 loại thùng chứa rác thải sinh hoạt, bao gồm: thùng chứa chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (chai nhựa, chai thủy tinh, bìa các tông, vỏ đồ hộp kim loại); thùng chứa chất thải thực phẩm (thức ăn thừa, rau, thịt, củ, quả ...) và thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt khác.

2.2.2. Kho/ Khu vực lưu chứa trong nhà:



- Diện tích: 5m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho đặt trong Khối Nhà đặt máy phát điện diện tích 20m² của dự án. Kho được xây dựng tường bao quanh, có cửa đóng kính, trong kho bố trí hệ thống chiếu sáng và quạt hút để tạo độ thông thoáng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện đúng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở, đảm bảo tuân thủ quy định định kỹ thuật về an toàn và môi trường.

- Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường./.

